

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 127/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước
trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định:

a) Phân cấp của Thủ tướng Chính phủ cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương và chính quyền địa phương; phân cấp của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ cho chính quyền địa phương.

b) Trình tự, thủ tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước ở trung ương, chính quyền địa phương và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp

1. Bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp; phù hợp với các nguyên tắc, quy định về phân định thẩm quyền, phân cấp của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Bảo đảm phân cấp triệt để các nhiệm vụ giữa cơ quan nhà nước ở trung ương với chính quyền địa phương, bảo đảm quyền quản lý thống nhất của Chính phủ, quyền điều hành của người đứng đầu Chính phủ đối với lĩnh vực quản lý nhà nước về quản lý, sử dụng tài sản công và phát huy tính chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Bảo đảm Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trung ương thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước ở tầm vĩ mô, bảo đảm và tổ chức thực hiện xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát.

4. Đẩy mạnh phân cấp và phân định rõ giữa thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân; phân định rõ thẩm quyền chung của Ủy ban nhân dân và thẩm quyền riêng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân; bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn và năng lực của cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân định.

5. Thực hiện phân cấp giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan bảo đảm đồng bộ, tổng thể, liên thông, không bỏ sót hoặc chồng lấn, giao thoa nhiệm vụ; bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của các cơ quan; không để gián đoạn công việc, không để chồng chéo, trùng lặp, bỏ sót chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực, địa bàn.

6. Bảo đảm quyền con người, quyền công dân; bảo đảm công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong việc tiếp cận thông tin, thực hiện các quyền, nghĩa vụ và các thủ tục theo quy định của pháp luật; không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của xã hội, người dân, doanh nghiệp.

7. Bảo đảm không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Điều 3. Quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sang bộ, cơ quan trung ương, sang địa phương khác quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ, Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định số 151/2017/NĐ-CP).

Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản công thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP; không phải thực hiện việc báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Danh mục tài sản cụ thể thuộc phạm vi quản lý phải mua bảo hiểm cho rủi ro bão, lũ, lụt và lộ trình thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 135 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sang đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân quy định tại điểm b khoản 2 Điều 59 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản công thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP; không phải thực hiện việc báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt phương án điều chuyển tài sản của dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc trung ương hoặc địa phương khác quản lý quy định tại điểm a khoản 2 Điều 92 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục phê duyệt phương án thực hiện theo quy định tại Điều 93 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP; không phải thực hiện việc đề nghị cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công trình Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định quy định tại điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 93 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Điều 4. Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công (sau đây gọi là Nghị định số 03/2025/NĐ-CP). Trình tự, thủ tục phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 03/2025/NĐ-CP; không phải thực hiện việc báo cáo Thủ tướng Chính phủ quy định tại điểm a khoản 6 Điều 6 Nghị định số 03/2025/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 03/2025/NĐ-CP; không phải thực hiện việc báo cáo Thủ tướng Chính phủ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 Nghị định số 03/2025/NĐ-CP. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại điểm d khoản 3 Điều 7 Nghị định số 03/2025/NĐ-CP.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án điều chuyển nhà, đất tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sang bộ, cơ quan trung ương, sang địa phương khác quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 03/2025/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 03/2025/NĐ-CP; không phải thực hiện việc báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại điểm c khoản 3 Điều 7 Nghị định số 03/2025/NĐ-CP. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại điểm d khoản 3 Điều 7 Nghị định số 03/2025/NĐ-CP.

Điều 5. Quản lý, sử dụng, xử lý tài sản của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trong việc:

a) Điều chuyển xe ô tô đã qua sử dụng của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài thuộc phạm vi quản lý có giá trị còn lại hoặc giá trị đánh giá lại cao hơn trên 15% so với mức giá tối đa quy định tại khoản 14 Điều 5 Nghị định số 166/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 171/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định số 166/2017/NĐ-CP);

b) Đầu tư xây dựng, mua sắm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở, nhà riêng Đại sứ của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài thuộc phạm vi quản lý trong các trường hợp khác quy định tại điểm d khoản 1 Điều 9 Nghị định số 166/2017/NĐ-CP.

c) Trang bị xe ô tô có giá chưa bao gồm các loại thuế cao hơn trên 15% so với giá tối đa theo quy định của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài thuộc phạm vi quản lý quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 166/2017/NĐ-CP;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trong việc:

a) Điều chuyển từ địa phương sang bộ, cơ quan trung ương hoặc giữa các địa phương đối với xe ô tô đã qua sử dụng của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài thuộc phạm vi quản lý có giá trị còn lại trên sổ kế toán hoặc giá trị đánh giá lại theo quy định của pháp luật không quá mức giá tối đa hoặc cao hơn không quá 15% so với mức giá tối đa quy định tại khoản 14 Điều 5 Nghị định số 166/2017/NĐ-CP.

b) Điều chuyển từ địa phương sang bộ, cơ quan trung ương hoặc giữa các địa phương đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở, nhà riêng Đại sứ của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài thuộc phạm vi quản lý quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12a Nghị định số 166/2017/NĐ-CP.

Chương III

PHÂN CẤP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG, KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG

Điều 6. Quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

1. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng không quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 44/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không (sau đây gọi là Nghị định số 44/2018/NĐ-CP).

Trình tự, thủ tục quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng không thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 44/2018/NĐ-CP; không phải thực hiện việc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt phương án giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng không quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 5 Nghị định số 44/2018/NĐ-CP.

2. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Nghị định số 44/2018/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 11, khoản 4 Điều 12 và khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2018/NĐ-CP; không phải thực hiện việc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không quy định tại điểm d khoản 4 Điều 11, điểm d khoản 4 Điều 12, điểm d khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2018/NĐ-CP.

3. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định thu hồi, điều chuyển, bán tài sản kết cấu hạ tầng hàng không quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17, điểm a khoản 2 Điều 18, điểm a khoản 2 Điều 19 Nghị định số 44/2018/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục thu hồi, điều chuyển, bán tài sản kết cấu hạ tầng hàng không thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 17, khoản 4 Điều 18, khoản 5 Điều 19 Nghị định số 44/2018/NĐ-CP; không phải thực hiện việc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thu hồi, điều chuyển, bán tài sản kết cấu hạ tầng hàng không quy định tại điểm b khoản 5 Điều 17, điểm b khoản 4 Điều 18, điểm b khoản 5 Điều 19 Nghị định số 44/2018/NĐ-CP.

4. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng không hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 44/2018/NĐ-CP.

Điều 7. Quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi là Nghị định số 44/2024/NĐ-CP).

Trình tự, thủ tục quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, không phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

2. Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, không phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

3. Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21, điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 21 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, không phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ quy định tại điểm b khoản 4, điểm a khoản 5 Điều 21, điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

4. Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia quy định tại điểm a khoản 2 Điều 22, điểm a khoản 3 Điều 26 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, không phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 22, điểm a khoản 3 Điều 26 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

5. Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia về địa phương quản lý, xử lý quy định tại điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ về địa phương quản lý, xử lý thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, không phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ quy định tại điểm b khoản 4 Điều 23 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

6. Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ hiện có thuộc phạm vi quản lý liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, không phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ hiện có quy định tại điểm b khoản 3 Điều 28 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, vật liệu, vật tư thu hồi từ việc thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý từ địa phương sang bộ, cơ quan trung ương, sang địa phương khác quy định tại điểm b khoản 2 Điều 22, điểm b khoản 5 Điều 24 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý từ địa phương sang bộ, cơ quan trung ương, sang địa phương khác là cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 26 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, vật liệu, vật tư thu hồi từ việc thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 22, điểm b khoản 5

Điều 24 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, không phải báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, vật liệu, vật tư thu hồi từ việc thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 22, điểm b2 khoản 5 Điều 24, điểm a khoản 3 Điều 26 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

Điều 8. Quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đề án cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ liên quan đến quốc phòng, an ninh quy định tại điểm c khoản 2 Điều 24, điểm b khoản 2 Điều 25 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, không phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương trước khi phê duyệt.

Điều 9. Quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của cơ quan quản lý tài sản thuộc phạm vi quản lý của địa phương quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (sau đây gọi là Nghị định số 08/2025/NĐ-CP).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi quy định tại điểm a khoản 2 Điều 22 Nghị định số 08/2025/NĐ-CP.

3. Trình tự, thủ tục quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 22 Nghị định số 08/2025/NĐ-CP, không phải đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định điều chuyển theo quy định tại điểm b khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 22 Nghị định số 08/2025/NĐ-CP.

Điều 10. Quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia quy định tại điểm a khoản 3 Điều 13 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (sau đây gọi là Nghị định số 12/2025/NĐ-CP).

Trình tự, thủ tục đối với việc phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia quy định tại điểm a khoản 3 Điều 13 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, không phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 13 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP.

2. Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư quy định tại điểm a khoản 2 Điều 25 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục đối với việc quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư quy định tại điểm a khoản 2 Điều 25 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, không phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 25 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa của cơ quan quản lý tài sản thuộc phạm vi quản lý của địa phương quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục đối với việc điều chuyển thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, không phải đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định điều chuyển quy định tại điểm b khoản 3 Điều 20 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi do thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa của cơ quan quản lý tài sản thuộc phạm vi quản lý ra ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định tại điểm a khoản 7 Điều 22 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi do thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 22 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, không phải đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại điểm d khoản 7 Điều 22 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP.

Điều 11. Quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

1. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp đối với tài sản của doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (sau đây gọi là Nghị định số 15/2025/NĐ-CP).

Trình tự, thủ tục quyết định chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện theo

quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP; không phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP.

2. Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia quy định tại điểm a khoản 3 Điều 16, điểm a khoản 3 Điều 33 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 16, điểm b khoản 3 Điều 33 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP; không phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Đề án khai thác tài sản quy định tại điểm c khoản 3 Điều 16, điểm c khoản 3 Điều 33 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP

3. Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28, điểm a khoản 2 Điều 44 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 3 Điều 44 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP, không phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định quy định tại điểm b khoản 3 Điều 28, điểm b khoản 3 Điều 44 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc phạm vi quản lý quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục thực hiện trong việc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 39 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP, không phải đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định điều chuyển quy định tại điểm b khoản 3 Điều 39 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi từ việc thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc phạm vi quản lý từ địa phương sang bộ, cơ quan trung ương, sang địa phương khác quy định tại điểm a khoản 7 Điều 41 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi từ thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 41 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP, không phải đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định điều chuyển quy định tại điểm d khoản 7 Điều 41 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP.

Điều 12. Quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

1. Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc phạm vi quản lý quy định tại điểm a khoản 3 Điều 13, điểm a khoản 5 Điều 14 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (sau đây gọi là Nghị định số 84/2025/NĐ-CP).

Trình tự, thủ tục phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 13, khoản 6 Điều 14 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP, không phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại điểm c khoản 3 Điều 13, khoản 7 Điều 14 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP.

2. Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có thuộc phạm vi quản lý để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP, không phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có quy định tại điểm b khoản 3 Điều 26 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc phạm vi quản lý quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20, điểm a khoản 3 Điều 24 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục thực hiện quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP, không phải đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định điều chuyển quy định tại điểm b khoản 3 Điều 20, khoản 3 Điều 24 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi từ việc thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc phạm vi quản lý từ địa phương sang bộ, cơ quan trung ương, sang địa phương khác quy định tại điểm a khoản 7 Điều 22 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi từ thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 22 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP, không phải đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định điều chuyển quy định tại điểm d khoản 7 Điều 22 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP.

Điều 13. Quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch quy định tại điểm b khoản 3 Điều 19 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch (sau đây gọi là Nghị định số 43/2022/NĐ-CP).

2. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 19 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP; không phải thực hiện việc đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch quy định tại điểm e khoản 5 Điều 19 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP.

Chương IV

PHÂN CẤP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN VỀ TÀI SẢN VÀ XỬ LÝ ĐỐI VỚI TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN

Điều 14. Xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý theo hình thức điều chuyển từ địa phương sang bộ, cơ quan trung ương hoặc giữa các địa phương đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (sau đây gọi là Nghị định số 77/2025/NĐ-CP).

Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý theo hình thức điều chuyển từ địa phương sang bộ, cơ quan trung ương hoặc giữa các địa phương đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu trong trường hợp cơ quan quản lý tài sản công lập phương án thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP, không phải thực hiện việc báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt theo quy định tại điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 11 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý theo hình thức điều chuyển từ địa phương sang bộ, cơ quan trung ương hoặc giữa các địa phương đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý theo hình thức điều chuyển từ địa phương sang bộ, cơ quan trung ương hoặc giữa các địa phương đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP, không phải thực hiện việc báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều 21 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý theo hình thức điều chuyển từ địa phương sang bộ, cơ quan trung ương hoặc giữa các địa phương đối với tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không có người thừa kế quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý đối với là bất động sản vô chủ, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không có người thừa kế thực hiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP, không phải thực hiện việc báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1, điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 32 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam thông qua bộ, cơ quan trung ương quy định tại khoản 1 Điều 47 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho nhà nước Việt Nam thông qua bộ, cơ quan trung ương trong trường hợp cơ quan quản lý tài sản công lập phương án xử lý tài sản thực hiện theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP, không phải thực hiện việc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt theo quy định tại điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 48 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý (bao gồm cả phương án xử lý theo hình thức điều chuyển từ địa phương sang bộ, cơ quan trung ương hoặc giữa các địa phương) đối với tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 47 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương trong trường hợp cơ quan quản lý tài sản công lập phương án xử lý tài sản thực hiện theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP, không phải thực hiện việc báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt theo quy định tại điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 48 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

6. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho nhà nước Việt Nam thông qua bộ, cơ quan trung ương theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động quy định tại khoản 1 Điều 55 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do doanh nghiệp có vốn nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động thực hiện theo quy định tại Điều 56, Điều 57 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP, không phải thực hiện việc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt theo quy định tại điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 56, điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 57 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý (bao gồm cả phương án xử lý theo hình thức điều chuyển từ địa phương sang bộ, cơ quan trung ương hoặc giữa các địa phương) đối với tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 55 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do doanh nghiệp có vốn nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động thực hiện theo quy định tại Điều 56, Điều 57 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP, không phải thực hiện việc báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt theo quy định tại điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 56, điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 57 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

8. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định phê duyệt phương án xử lý đối tài sản được đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong trường hợp cơ quan ký kết hợp đồng dự án thuộc trung ương quản lý quy định tại khoản 1 Điều 63 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản được đầu tư theo các Hợp đồng BOT, BLT thực hiện theo quy định tại Điều 65, Điều 66 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP, không phải thực hiện việc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt theo quy định tại điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 65, điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 66 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

9. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý (bao gồm cả phương án xử lý theo hình thức điều chuyển từ địa phương sang bộ, cơ quan trung ương hoặc giữa các địa phương) đối với tài sản được đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong trường hợp cơ quan ký kết hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 63 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản được đầu tư theo các Hợp đồng BOT, BLT thực hiện theo quy định tại Điều 65, Điều 66 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP, không phải thực hiện việc báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt theo quy định tại điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 65, điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 66 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

10. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý (bao gồm cả phương án xử lý theo hình thức điều chuyển từ địa phương sang bộ, cơ quan trung ương hoặc giữa các địa phương) đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được xác lập quyền sở hữu toàn dân quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 80 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được xác lập quyền sở hữu toàn dân thực hiện theo quy định tại Điều 81 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP, không phải thực hiện việc báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt theo quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 81 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

11. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là bộ phận (mẫu vật) của động vật rừng thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm quy định tại khoản 3 Điều 104 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là bộ phận (mẫu vật) của động vật rừng thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 104 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP, không phải thực hiện việc báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 3 Điều 104 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

12. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là bộ phận (mẫu vật) của động vật rừng thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm quy định tại khoản 4 Điều 104 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là bộ phận (mẫu vật) của động vật rừng thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 104 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP, không phải thực hiện việc báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 104 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027. Trường hợp kéo dài thời hạn áp dụng Nghị định này thì bộ, cơ quan trung ương báo cáo Chính phủ đề xuất Quốc hội xem xét, quyết định.

2. Trường hợp quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục trong Nghị định này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định này được thông qua hoặc ban hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 thì quy định tương ứng trong Nghị định này hết hiệu lực tại thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực thi hành.

Điều 16. Điều khoản chuyển tiếp

1. Nhiệm vụ đang được cơ quan, người có thẩm quyền phân cấp thụ lý và đã thực hiện một phần nhưng chưa hoàn thành trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thì chuyển giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu, kết quả đã thực hiện cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được phân cấp để tiếp tục thực hiện, giải quyết theo thẩm quyền quy định tại Nghị định này.

2. Văn bản, quyết định đã được cơ quan, người có thẩm quyền phân cấp ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo thời hạn ghi trên văn bản, quyết định đó cho đến khi hết hiệu lực, hết thời hạn.

3. Cơ quan, người được phân cấp, khi tiếp nhận thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính có trách nhiệm sau đây:

a) Rà soát các nhiệm vụ được phân định thẩm quyền quy định tại Nghị định này để chỉnh sửa, bổ sung và công bố Quyết định danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết; bảo đảm giải quyết thủ tục hành chính sau phân cấp được thông suốt, không bị gián đoạn;

b) Kế thừa toàn bộ hồ sơ, tài liệu, các bước thực hiện và kết quả giải quyết của cơ quan, người có thẩm quyền phân cấp đã thực hiện trước thời điểm nghị định này có hiệu lực thi hành. Không được yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp lại hồ sơ đã nộp; không thực hiện lại các bước trong thủ tục hành chính đã thực hiện trước khi phân cấp.

Điều 17. Điều khoản thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).jg

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Nguyễn Hòa Bình